

Số: 2836/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép sinh viên học cùng lúc hai chương trình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1566/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 2516/TB-ĐHHN ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Hà Nội về việc đăng ký học cùng lúc 2 chương trình, năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2025-2026;

Xét Đơn đăng ký học cùng lúc hai chương trình của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 71 sinh viên hình thức đào tạo chính quy đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, được học chương trình thứ hai.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Công tác sinh viên & Quan hệ doanh nghiệp, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLDT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC CÙNG LÚC 2 CHƯƠNG TRÌNH,
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2836 /QĐ-ĐHHN, ngày 31 tháng 7 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
1	2407090078	Võ Anh Tuấn	19/05/1998	Nam	3.96	NN Italia	Công nghệ tài chính	Đủ điều kiện	
2	2407020043	Trần Kiều Châm	04/01/2006	Nữ	3.26	NN Nga	Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện	
3	2207070025	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/08/2004	Nữ	3.34	NN Hàn Quốc	Kế toán	Đủ điều kiện	
4	2407030041	Nguyễn Thị Phương Thuý	05/06/2006	Nữ	2.86	NN Pháp	Marketing	Đủ điều kiện	
5	2307170001	Bùi Thu An	26/08/2005	Nữ	3.09	NN Hàn Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
6	2406290040	Nguyễn Hoàng Anh	28/07/2006	Nam	2.68	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
7	2201040010	Trần Ngọc Đức Anh	20/05/2004	Nam	2.86	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
8	2307060024	Vũ Ngọc Anh	22/06/2005	Nữ	2.86	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
9	2401040142	Nguyễn Hương Chi	12/06/2006	Nữ	2.61	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
10	2401060045	Đào Thị Ánh Dương	16/12/2006	Nữ	3.08	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
11	2407080017	Nguyễn Hà Dương	18/11/2006	Nữ	3.20	NN Tây Ban Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
12	2307060045	Nguyễn Tùng Dương	18/09/2004	Nam	3.05	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
13	2407030002	Phương Nguyễn Hương Giang	30/11/2006	Nữ	2.63	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
14	2204010032	Đỗ Thị Ngọc Hân	15/02/2004	Nữ	2.54	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
15	2401040113	Vi Thu Hằng	24/09/2006	Nữ	2.93	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
16	2307040038	Dương Thị Hồng Hạnh	08/06/2005	Nữ	3.01	NN Trung Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
17	2306060020	Đặng Minh Khôi	27/10/2005	Nam	2.91	QTH	NN Anh	Đủ điều kiện	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
18	2401040005	Trịnh Bá Kiên	08/08/2006	Nam	2.94	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
19	2404010084	Trần Đỗ Ngọc Linh	13/11/2006	Nữ	3.72	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
20	2307040100	Lê Thị Huyền My	17/09/2005	Nữ	2.83	NN Trung Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
21	2304000067	Đặng Bảo Ngân	03/11/2005	Nữ	2.69	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
22	2407100016	Nguyễn Huyền Nhung	18/07/2002	Nữ	2.98	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
23	2106060044	Nguyễn Thị Quỳnh Oanh	18/03/2001	Nữ	2.84	QTH	NN Anh	Đủ điều kiện	
24	2207030088	Đinh Hà Phương	06/05/2004	Nữ	2.98	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
25	2207030089	Đỗ Mai Phương	01/01/2004	Nữ	2.69	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
26	2407060083	Tô Thế Quang	04/09/2006	Nam	2.90	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
27	2101040180	Nguyễn Thị Xuân Thương	12/08/2003	Nữ	2.84	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
28	2404010063	Đỗ Thu Thùy	08/11/2005	Nữ	2.86	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
29	2307030111	Bùi Thùy Trang	12/05/2005	Nữ	3.03	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
30	2407100012	Nguyễn Thu Trang	01/05/2005	Nữ	2.51	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
31	2307100080	Giang Vĩnh Tường	01/09/2005	Nam	3.09	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
32	2307090080	Phan Hải Yến	23/02/2005	Nữ	2.59	NN Italia	NN Anh	Đủ điều kiện	
33	2407010110	Nguyễn Thành Đạt	17/12/2006	Nam	3.31	NN Anh	NN Đức	Đủ điều kiện	
34	2404000048	Đỗ Hà Phương	31/12/2006	Nữ	3.18	QTKD	NN Đức	Đủ điều kiện	
35	2207060038	Lã Thị Hồng Diệu	29/02/2004	Nữ	2.53	NN Nhật	NN Hàn Quốc	Đủ điều kiện	
36	2306080068	Trần Thị Mỹ Linh	16/02/2005	Nữ	2.51	QTH	NN Hàn Quốc TT	Đủ điều kiện	
37	2407020071	Nguyễn Hoàng Anh	18/11/2006	Nữ	3.29	NN Nga	NN Nhật	Đủ điều kiện	
38	2401240105	Trần Thị Minh Ánh	22/04/2006	Nữ	2.60	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
39	2401240039	Đinh Vũ Thành	Đạt	06/03/2006	Nam	2.84	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện
40	2401040145	Phạm Thành	Đạt	09/07/2006	Nam	2.98	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện
41	2407030136	Đỗ Việt	Hà	22/10/2006	Nữ	2.94	NN Pháp	NN Nhật	Đủ điều kiện
42	2406290001	Đỗ Trung	Kiên	22/09/2006	Nam	2.85	QTKD	NN Nhật	Đủ điều kiện
43	2407040135	Nguyễn Quỳnh	Giang	27/09/2006	Nữ	3.05	NN Trung Quốc	NN Tây Ban Nha	Đủ điều kiện
44	2407030128	Đỗ Thị Mai	Anh	04/07/2006	Nữ	2.79	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
45	2401060020	La	Anh	23/10/2006	Nữ	3.43	CNTT	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
46	2307020041	Ngô Thùy	Dương	08/09/2005	Nữ	2.65	NN Nga	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
47	2406080002	Đường Ánh	Hồng	26/07/2006	Nữ	2.96	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
48	2406080072	Nguyễn Mai	Hương	14/10/2006	Nữ	3.00	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
49	2304010043	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/10/2005	Nữ	3.00	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
50	2407210006	Trần Thanh	Huyền	01/03/2006	Nữ	3.59	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
51	2407030119	Nguyễn Thị Phương	Liên	08/02/2006	Nữ	2.81	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
52	2401060074	Hoàng Khánh	Linh	17/12/2006	Nữ	3.00	CNTT	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
53	2404010019	Lê Hải	Linh	21/05/2006	Nữ	2.75	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
54	2407010070	Trần Diệu	Linh	08/07/2006	Nữ	3.24	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
55	2107190034	Trần Ngọc	Linh	26/08/2003	Nữ	2.53	NN Italia	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
56	2307020103	Vũ Trần Thùy	Linh	01/02/2005	Nữ	2.83	NN Nga	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
57	2407030139	Ngô Thảo	Ly	27/01/2006	Nữ	2.89	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
58	2204040069	Nguyễn Bích	Ngọc	22/12/2004	Nữ	2.53	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
59	2307010186	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/05/2005	Nữ	2.95	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
60	2407010266	Hoàng Thu Nguyệt	14/07/2006	Nữ	3.28	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
61	2307100063	Mai Hoàng Phong	23/01/2004	Nam	2.50	NN Bồ Đào Nha	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
62	2206060033	Ngô Thị Phương	27/01/2004	Nữ	2.84	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
63	2407210005	Nguyễn Hà Phương	05/07/2006	Nữ	3.04	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
64	2407010107	Nguyễn Hà Phương	24/10/2006	Nữ	3.23	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
65	2406290061	Châu Vũ Khánh Linh	11/02/2006	Nữ	2.75	QTKD	NN Trung Quốc TT	Đủ điều kiện	
66	2407080041	Phạm Thị Hồng Anh	27/02/2006	Nữ	2.44	NN Tây Ban Nha	Marketing	Đủ điều kiện	36.13 năm 2024 lấy 33.93
67	2206190031	Hoàng Hạnh Nhung	20/07/2003	Nữ	2.41	QTKD	Quốc tế học	Đủ điều kiện	33.3 năm 2022 lấy 32.88
68	2304000059	Lê Tấn Minh	19/02/2005	Nam	3.19	QTKD	Tài chính - Ngân hàng	Đủ điều kiện	
69	2301040147	Nguyễn Hoàng Phong	13/10/2005	Nam	2.61	CNTT	Tài chính - Ngân hàng	Đủ điều kiện	
70	2207050026	Vũ Minh Đức	02/08/2004	Nam	2.38	NN Đức	Truyền thông đa phương tiện	Đủ điều kiện	410-20.3- Điểm chuẩn XTKH 410 TT Đa PT 2022 lấy 16.32
71	2207050105	Trần Phương Thảo	17/12/2004	Nữ	3.01	NN Đức	Truyền thông đa phương tiện	Đủ điều kiện	
72	2301140023	Lê Thành Đạt	09/07/2005	Nam	2.06	CNTT	NN Anh	K đủ điều kiện	
73	2307190044	Trần Hồng Ngọc	07/06/2005	Nữ	2.46	NN Italia	NN Trung Quốc	K đủ điều kiện	
74	2407290077	Phạm Thùy Linh	26/03/2006	Nữ	2.37	NN Italia	NN Hàn Quốc	K đủ điều kiện	
75	2407290065	Vũ Quỳnh Trang	08/04/2006	Nữ	2.45	NN Italia	NN Trung Quốc TT	K đủ điều kiện	
76	2307020104	Vũ Thị Luyến	25/05/2005	Nữ	2.37	NN Nga	NN Anh	K đủ điều kiện	
77	2407030099	Phạm Thị Diệu Linh	13/11/2006	Nữ	2.48	NN Pháp	NN Trung Quốc	K đủ điều kiện	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
78	2104010036	Đỗ Thu Hương	09/06/2003	Nữ	2.47	QTKD	NN Anh	K đủ điều kiện	
79	2401060029	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/06/2006	Nữ	2.43	CNTT	NN Trung Quốc	K đủ điều kiện	
80	2207050120	Phạm Thu Trang	23/07/2004	Nữ	2.57	Đức	Truyền thông đa phương tiện	K đủ điều kiện	Sv đang Bảo lưu

Danh sách có 80 sinh viên

Đủ điều kiện (Đủ đk): 71 sinh viên

Không đủ điều kiện (K đủ đk): 09 sinh viên

**DANH SÁCH CÔNG NHÂN SINH VIÊN HỌC CÙNG LÚC 2 CHƯƠNG TRÌNH,
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2856 /QĐ-ĐHHN, ngày 31 tháng 7 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
1	2407090078	Võ Anh Tuấn	19/05/1998	Nam	3.96	NN Italia	Công nghệ tài chính	Đủ điều kiện	
2	2407020043	Trần Kiều Châm	04/01/2006	Nữ	3.26	NN Nga	Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện	
3	2207070025	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/08/2004	Nữ	3.34	NN Hàn Quốc	Kế toán	Đủ điều kiện	
4	2407030041	Nguyễn Thị Phương Thuý	05/06/2006	Nữ	2.86	NN Pháp	Marketing	Đủ điều kiện	
5	2307170001	Bùi Thu An	26/08/2005	Nữ	3.09	NN Hàn Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
6	2406290040	Nguyễn Hoàng Anh	28/07/2006	Nam	2.68	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
7	2201040010	Trần Ngọc Đức Anh	20/05/2004	Nam	2.86	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
8	2307060024	Vũ Ngọc Anh	22/06/2005	Nữ	2.86	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
9	2401040142	Nguyễn Hương Chi	12/06/2006	Nữ	2.61	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
10	2401060045	Đào Thị Ánh Dương	16/12/2006	Nữ	3.08	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
11	2407080017	Nguyễn Hà Dương	18/11/2006	Nữ	3.20	NN Tây Ban Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
12	2307060045	Nguyễn Tùng Dương	18/09/2004	Nam	3.05	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
13	2407030002	Phương Nguyễn Hương Giang	30/11/2006	Nữ	2.63	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
14	2204010032	Đỗ Thị Ngọc Hân	15/02/2004	Nữ	2.54	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
15	2401040113	Vi Thu Hằng	24/09/2006	Nữ	2.93	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
16	2307040038	Dương Thị Hồng Hạnh	08/06/2005	Nữ	3.01	NN Trung Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
17	2306060020	Đặng Minh Khôi	27/10/2005	Nam	2.91	QTH	NN Anh	Đủ điều kiện	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
18	2401040005	Trịnh Bá Kiên	08/08/2006	Nam	2.94	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
19	2404010084	Trần Đỗ Ngọc Linh	13/11/2006	Nữ	3.72	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
20	2307040100	Lê Thị Huyền My	17/09/2005	Nữ	2.83	NN Trung Quốc	NN Anh	Đủ điều kiện	
21	2304000067	Đặng Bảo Ngân	03/11/2005	Nữ	2.69	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
22	2407100016	Nguyễn Huyền Nhung	18/07/2002	Nữ	2.98	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
23	2106060044	Nguyễn Thị Quỳnh Oanh	18/03/2001	Nữ	2.84	QTH	NN Anh	Đủ điều kiện	
24	2207030088	Đinh Hà Phương	06/05/2004	Nữ	2.98	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
25	2207030089	Đỗ Mai Phương	01/01/2004	Nữ	2.69	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
26	2407060083	Tô Thế Quang	04/09/2006	Nam	2.90	NN Nhật	NN Anh	Đủ điều kiện	
27	2101040180	Nguyễn Thị Xuân Thương	12/08/2003	Nữ	2.84	CNTT	NN Anh	Đủ điều kiện	
28	2404010063	Đỗ Thu Thủy	08/11/2005	Nữ	2.86	QTKD	NN Anh	Đủ điều kiện	
29	2307030111	Bùi Thùy Trang	12/05/2005	Nữ	3.03	NN Pháp	NN Anh	Đủ điều kiện	
30	2407100012	Nguyễn Thu Trang	01/05/2005	Nữ	2.51	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
31	2307100080	Giang Vĩnh Tường	01/09/2005	Nam	3.09	NN Bồ Đào Nha	NN Anh	Đủ điều kiện	
32	2307090080	Phan Hải Yến	23/02/2005	Nữ	2.59	NN Italia	NN Anh	Đủ điều kiện	
33	2407010110	Nguyễn Thành Đạt	17/12/2006	Nam	3.31	NN Anh	NN Đức	Đủ điều kiện	
34	2404000048	Đỗ Hà Phương	31/12/2006	Nữ	3.18	QTKD	NN Đức	Đủ điều kiện	
35	2207060038	Lã Thị Hồng Diệu	29/02/2004	Nữ	2.53	NN Nhật	NN Hàn Quốc	Đủ điều kiện	
36	2306080068	Trần Thị Mỹ Linh	16/02/2005	Nữ	2.51	QTH	NN Hàn Quốc TT	Đủ điều kiện	
37	2407020071	Nguyễn Hoàng Anh	18/11/2006	Nữ	3.29	NN Nga	NN Nhật	Đủ điều kiện	
38	2401240105	Trần Thị Minh Ánh	22/04/2006	Nữ	2.60	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
39	2401240039	Đinh Vũ Thành	Đạt	06/03/2006	Nam	2.84	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện
40	2401040145	Phạm Thành	Đạt	09/07/2006	Nam	2.98	CNTT	NN Nhật	Đủ điều kiện
41	2407030136	Đỗ Việt	Hà	22/10/2006	Nữ	2.94	NN Pháp	NN Nhật	Đủ điều kiện
42	2406290001	Đỗ Trung	Kiên	22/09/2006	Nam	2.85	QTKD	NN Nhật	Đủ điều kiện
43	2407040135	Nguyễn Quỳnh	Giang	27/09/2006	Nữ	3.05	NN Trung Quốc	NN Tây Ban Nha	Đủ điều kiện
44	2407030128	Đỗ Thị Mai	Anh	04/07/2006	Nữ	2.79	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
45	2401060020	La	Anh	23/10/2006	Nữ	3.43	CNTT	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
46	2307020041	Ngô Thùy	Dương	08/09/2005	Nữ	2.65	NN Nga	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
47	2406080002	Đường Ánh	Hồng	26/07/2006	Nữ	2.96	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
48	2406080072	Nguyễn Mai	Hương	14/10/2006	Nữ	3.00	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
49	2304010043	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/10/2005	Nữ	3.00	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
50	2407210006	Trần Thanh	Huyền	01/03/2006	Nữ	3.59	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
51	2407030119	Nguyễn Thị Phương	Liên	08/02/2006	Nữ	2.81	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
52	2401060074	Hoàng Khánh	Linh	17/12/2006	Nữ	3.00	CNTT	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
53	2404010019	Lê Hải	Linh	21/05/2006	Nữ	2.75	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
54	2407010070	Trần Diệu	Linh	08/07/2006	Nữ	3.24	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
55	2107190034	Trần Ngọc	Linh	26/08/2003	Nữ	2.53	NN Italia	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
56	2307020103	Vũ Trần Thùy	Linh	01/02/2005	Nữ	2.83	NN Nga	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
57	2407030139	Ngô Thảo	Ly	27/01/2006	Nữ	2.89	NN Pháp	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
58	2204040069	Nguyễn Bích	Ngọc	22/12/2004	Nữ	2.53	QTKD	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện
59	2307010186	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/05/2005	Nữ	2.95	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC hệ 4	Ngành 1	Ngành 2	Kết quả	Ghi chú
60	2407010266	Hoàng Thu Nguyệt	14/07/2006	Nữ	3.28	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
61	2307100063	Mai Hoàng Phong	23/01/2004	Nam	2.50	NN Bồ Đào Nha	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
62	2206060033	Ngô Thị Phương	27/01/2004	Nữ	2.84	QTH	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
63	2407210005	Nguyễn Hà Phương	05/07/2006	Nữ	3.04	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
64	2407010107	Nguyễn Hà Phương	24/10/2006	Nữ	3.23	NN Anh	NN Trung Quốc	Đủ điều kiện	
65	2406290061	Châu Vũ Khánh Linh	11/02/2006	Nữ	2.75	QTKD	NN Trung Quốc TT	Đủ điều kiện	
66	2407080041	Phạm Thị Hồng Anh	27/02/2006	Nữ	2.44	NN Tây Ban Nha	Marketing	Đủ điều kiện	
67	2206190031	Hoàng Hạnh Nhung	20/07/2003	Nữ	2.41	QTKD	Quốc tế học	Đủ điều kiện	
68	2304000059	Lê Tấn Minh	19/02/2005	Nam	3.19	QTKD	Tài chính - Ngân hàng	Đủ điều kiện	
69	2301040147	Nguyễn Hoàng Phong	13/10/2005	Nam	2.61	CNTT	Tài chính - Ngân hàng	Đủ điều kiện	
70	2207050026	Vũ Minh Đức	02/08/2004	Nam	2.38	NN Đức	Truyền thông đa phương tiện	Đủ điều kiện	
71	2207050105	Trần Phương Thảo	17/12/2004	Nữ	3.01	NN Đức	Truyền thông đa phương tiện	Đủ điều kiện	

Danh sách có 71 sinh viên./